

CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRƯỚC THÁCH THỨC CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ YÊU CẦU TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP

*KS. Trần Quang Hoài,
Ủy viên thường trực Ban chỉ đạo TW
về Phòng chống thiên tai,
Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi*

Cách đây 71 năm, với Tuyên cáo ngày 28/8/1945 của Chính phủ lâm thời Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Sắc lệnh số 70 ngày 22/5/1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngành Thủy lợi, Đê điều, Phòng, chống thiên tai của Nước Việt Nam đã ra đời.

71 năm qua, sự nghiệp thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai với sự đóng góp công sức của rất nhiều thế hệ đã không ngừng phát triển, thu được những thành tựu rất đáng khích lệ, góp phần quan trọng đưa Việt Nam từng bước an toàn hơn trước thiên tai, hạn chế được sự phá hoại của thiên tai đối với môi trường sống, góp phần bảo vệ thành quả phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo phát triển bền vững của đất nước, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Chúng ta đã:

- Hình thành hệ thống tổ chức quản lý nhà nước và chỉ đạo điều hành từ Trung ương, các bộ, ngành đến các cấp chính quyền địa phương. Thành lập cơ quan chuyên trách thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai. Từng bước phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai trên phạm vi toàn quốc.

- Chúng ta đã xây dựng được một hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối đồ sộ ở khắp các vùng miền của tổ quốc trong đó phải kể đến:

- + 5.212 km đê sông (trong đó có 2.622km đê từ cấp 3 đến cấp đặc biệt), 2.681km đê biển, 743km kè, 1.686 cống, ngoài ra còn có hàng ngàn km bờ bao chống lũ, ngăn mặn ở đồng bằng sông Cửu Long và các địa phương.

- + 6.080 hồ chứa thủy lợi có dung tích trên 50.000m³ với tổng dung tích khoảng 12,5 tỷ m³ và 56 hồ thủy điện bậc thang với tổng dung tích phòng lũ là 9,35 tỷ m³.

- + 110 hệ thống thủy lợi vừa và lớn; trên 10.000 trạm bơm điện lớn, 5.500 cống tưới, tiêu lớn, 234.000 km kênh mương, 25.960 km đê và bờ bao các loại.

- + Hệ thống cụm tuyến dân cư vượt lũ đồng bằng sông Cửu Long đảm bảo ổn định nơi ở cho gần 200.000 hộ dân vùng ngập lũ.

- + Bố trí dân cư cho hàng vạn hộ ra khỏi vùng có nguy cơ cao về thiên tai (sạt lở đất, lũ ống, lũ quét, ngập lũ, sụt lún đất...); Hỗ trợ xây nhà tránh lũ cho dân ở khu vực miền Trung, đảm bảo nơi ở an toàn cho gần 5.000 hộ nghèo tại 7 tỉnh, và

tiếp tục mở rộng hỗ trợ gần 26.000 hộ nghèo thuộc 13 tỉnh, thành phố từ Thanh Hóa đến Ninh Thuận.

+ 42 khu neo đậu (trong đó có 8 khu cấp vùng) với công suất gần 32.000 tàu neo đậu và tiếp tục đầu tư 28 khu neo đậu.

+ Hệ thống thông tin liên lạc tàu thuyền hoạt động trên biển hiện đại như Movima, hệ thống 32 Đài Thông tin duyên hải trải dọc từ Móng Cái tới Cà Mau,...

Ngoài ra các cơ sở hạ tầng khác như đường cứu hộ, cứu nạn, nhà trú tránh cộng đồng, trường học an toàn trước thiên tai,... cũng đã được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau nên từng bước phát huy hiệu quả, góp phần giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Đã hình thành hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách tương đối đầy đủ với Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều; các chính sách huy động nguồn lực như: quỹ phòng, chống thiên tai, thí điểm bảo hiểm rủi ro thiên tai; chính sách bố trí dân cư các vùng thiên tai; chính sách hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai và các chính sách khác; ban hành được 62 tiêu chuẩn quốc gia và 5 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; đang hoàn thiện để ban hành tiếp 38 tiêu chuẩn quốc gia; Xây dựng Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai và đang tiếp tục điều chỉnh Chiến lược đến năm 2025, tầm nhìn 2030 cho phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội hiện nay.

- Đã xây dựng cơ sở dữ liệu thiên tai quốc gia trên bản đồ trực tuyến, các công cụ hỗ trợ ra quyết định như vận hành hồ chứa theo thời gian thực, theo dõi, giám sát thiên tai bằng hình ảnh; giám sát tàu thuyền hoạt động trên biển qua vệ tinh; quản lý lũ tổng hợp; ứng dụng công nghệ viễn thám, vệ tinh trong giám sát và ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai...

- Tích cực và chủ động tham gia vào các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực về phòng tránh thiên tai như: Khung hành động Hyogo về giảm nhẹ rủi ro thảm họa (HFA), Khung hành động của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), Khung hành động Sendai về giảm nhẹ rủi ro thảm họa, thỏa thuận ASEAN quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp (ADDMER), diễn đàn quốc tế về giảm nhẹ thảm họa (GFDRR)...trong thời gian tới sẽ tiếp tục cùng các nước khu vực củng cố cơ chế hợp tác sẵn sàng hỗ trợ các quốc gia thành viên ứng phó với các tình huống thảm họa.

Kế tiếp truyền thông của các thế hệ trước đây công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai những năm qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, trong đó đã có sự chuyển biến tích cực về nhận thức của chính quyền các cấp và cộng đồng người dân; việc phòng, chống thiên tai đã từng bước chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, lấy phòng ngừa là chính và chuyển dần sang quản lý rủi ro thiên tai. Qua đó đã giảm đáng kể thiệt hại so với giai đoạn trước; số người chết và mất tích bình quân năm trong 5 năm 2011-2015 là 226 người/năm, giảm 53% so với giai đoạn 2006-2011 (hầu hết các trận bão, áp thấp nhiệt đới gần đây đã không có người chết trên biển, trên tàu thuyền neo đậu ở bến); thiệt hại vật chất giai

đoạn 2011-2015 (660 triệu USD/năm) giảm 32% so với giai đoạn 2006-2010 (976 triệu USD/năm).

Tuy nhiên còn bộc lộ một số hạn chế cơ bản như sau:

- Tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, trang thiết bị trong công tác phòng, chống thiên tai từ Trung ương đến địa phương còn nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu ứng phó với nhiều loại hình thiên tai theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai và yêu cầu đảm bảo an toàn cho xã hội phát triển; bên cạnh tổ chức quản lý đê điều 19 tỉnh có đê, tổ chức, bộ máy, cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai chủ yếu là kiêm nhiệm, đặc biệt ở nhiều huyện không có cán bộ thủy lợi, cán bộ phòng, chống thiên tai nên chất lượng về tham mưu còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhất là trong tình hình thiên tai cực đoan, nhiều tình huống mới xuất hiện, còn lúng túng hoặc chậm trễ, nhiều giải pháp không hợp lý dẫn đến chi phí cho các đợt ứng phó với thiên tai thường lớn. Hầu hết cán bộ cấp xã chưa được đào tạo nên việc triển khai hoạt động ở cơ sở còn hạn chế.

- Cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai còn nhiều tuyến đê sông, đê biển và công trình dưới đê chưa đảm bảo yêu cầu chống lũ, bão theo tiêu chuẩn thiết kế nhất là đê cửa sông, đê biển khu vực phía Nam; nhiều hồ chứa bị xuống cấp, không đảm bảo an toàn, đặc biệt là các hồ chứa nhỏ do địa phương quản lý; khu neo đậu tàu thuyền trú tránh bão chưa đủ số lượng và chất lượng, nhiều tàu đánh cá lớn không có chỗ neo đậu. Công trình kiểm soát nguồn nước tại một số hệ thống sông lớn chưa được triển khai xây dựng.

- Nguồn kinh phí đầu tư cho công tác phòng ngừa và hỗ trợ khắc hậu quả thiên tai còn thiếu, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, chưa phát huy được nguồn lực của các doanh nghiệp và cộng đồng. Do vậy về cơ bản mới dừng ở xử lý tình huống, chưa bài bản, căn cơ lâu dài, đôi khi thiếu thống nhất giữa các Bộ, ngành và mới chỉ tập trung ở một số loại hình thiên tai. Việc phân cấp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chưa thực sự hợp lý dẫn đến việc đầu tư chưa theo thứ tự ưu tiên.

- Luật pháp và cơ chế, chính sách trong công tác phòng, chống thiên tai còn chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhất là việc khuyến khích, thu hút nguồn lực của nhà nước, cộng đồng, doanh nghiệp đặc biệt là đầu tư cho giai đoạn phòng ngừa, khắc phục hậu quả và tái thiết sau thiên tai. Một số chính sách mới được ban hành nhưng tính khả thi thấp, đặc biệt là chính sách hỗ trợ cho nhân dân vùng thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác phòng, chống thiên tai còn hạn chế, còn khoảng cách so với một số quốc gia tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, chúng ta cũng thẳng thắn nhìn nhận những thách thức đối với công tác phòng, chống thiên tai trong thời gian tới, có thể kể đến ở đây như:

- Yêu cầu bảo đảm an toàn trước thiên tai của xã hội ngày càng cao trong bối cảnh quy mô dân số và nền kinh tế tăng nhanh. Với quy mô dân số gần 92 triệu người trong đó Hà Nội ở mức gần 7,6 triệu người, Hồ Chí Minh ở mức 8,2 triệu

người, tổng sản phẩm quốc nội ở mức 172 tỷ USD, nếu thiên tai lấy đi 1% GDP tức là chúng ta đã mất đi 1,72 tỷ USD, chưa kể các hệ lụy do thiên tai để lại.

- Thách thức từ tác động của Biến đổi khí hậu, nước biển dâng làm cường độ thiên tai trung bình có xu thế gia tăng, tần suất thiên tai lớn xuất hiện dày hơn, xuất hiện nhiều đợt thiên tai cực đoan trái so với quy luật trước đây như: tình trạng suy kiệt nguồn nước tại một số hệ thống sông lớn; mưa lớn đột biến tại Quảng Ninh, hạn hán tại Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long; bão mạnh, siêu bão ở miền Đông, ngập lụt thường xuyên tại thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Phòng do triều cường... Ngoài ra, theo kịch bản nước biển dâng lên 1m, chưa kể lún sụt đất, sẽ có 39% diện tích đồng bằng sông Cửu Long, trên 10% diện tích vùng đồng bằng sông Hồng, 2,5% diện tích thuộc các tỉnh miền Trung và 20% diện tích thành phố Hồ Chí Minh có nguy cơ bị ngập.

- Thách thức từ tác động của quá trình phát triển kinh tế, xã hội nhưng chưa quan tâm đầy đủ đến công tác phòng, chống thiên tai, làm gia tăng nguy cơ, thậm chí xuất hiện những loại hình thiên tai mới. Điển hình như: việc thu hẹp diện tích rừng phòng hộ, rừng ngập mặn, xây dựng hồ chứa, khai thác cát dẫn đến suy giảm khả năng trữ nước, mất cân bằng bùn cát, hạ thấp đáy sông làm gia tăng lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, xói lở bờ sông, bờ biển; phát triển các khu công nghiệp, đô thị tập trung, sử dụng những vùng đất thấp, trũng không đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, khai thác nước ngầm quá mức gây ngập lụt, lún đất.

- Thách thức từ việc sử dụng nguồn nước của các nước thượng lưu sông Hồng, sông Mê Công thuộc địa phận các nước Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Campuchia đã và sẽ dẫn đến mất cân bằng bùn cát, hạ thấp lòng sông, suy giảm nguồn nước, giảm khả năng điều tiết của các khu chứa lớn như Biển Hồ góp phần làm trầm trọng hơn tình hình lũ, hạn, xâm nhập mặn, xói lở bờ sông, bờ biển ở Việt Nam.

Những thách thức đó, đòi hỏi công tác phòng, chống thiên tai phải được tăng cường hơn nữa và thực thi biện pháp quản lý tổng hợp, nâng mức đảm bảo an toàn của các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, tăng cường các cơ chế hợp tác liên quốc gia, cũng như tăng cường nghiên cứu các giải pháp căn cơ, triệt để để ngăn chặn, trữ nước ở hạ lưu.

Nhận thức được những điểm đã đạt được, những hạn chế, tồn tại trong thời gian qua và xu thế biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xã hội, định hướng phát triển công tác phòng, chống thiên tai trong khu vực và trên thế giới, chúng ta xác định những vấn đề cần tập trung trong thời gian tới, trong đó có:

- Củng cố tổ chức bộ máy đảm bảo đủ tầm, quy mô để có thể triển khai, hướng dẫn, giám sát và kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai theo các quy định của Luật phòng, chống thiên tai, Luật đê điều và các văn bản pháp luật có liên quan. Trong đó cần củng cố bộ máy từ Trung ương đến địa phương theo hướng chuyên nghiệp hóa; củng cố tổ chức quản lý liên vùng, đặc biệt ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực thi hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách một cách đồng bộ, hiệu quả, phát huy tối đa nguồn lực của nhà nước và toàn xã hội đồng thời đảm bảo việc chấp hành nghiêm pháp luật về phòng, chống thiên tai;

- Xây dựng, triển khai các đề án, dự án đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới trong đó tập trung:

+ Hoàn thiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

+ Rà soát 10 năm thực hiện Luật Đê điều và nghiên cứu, kiến nghị điều chỉnh những điểm chưa phù hợp với thực tiễn.

+ Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia.

+ Đề án Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai quốc gia

+ Bản đồ cảnh báo và phương án ứng phó ngập lụt khu vực hạ du, đặc biệt là hạ du hồ chứa

+ Bản đồ cảnh báo và phương án ứng phó ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh, siêu bão

+ Tăng cường quản lý tàu thuyền, tiếp tục hình thành các tổ đội sản xuất an toàn.

+ Nâng cao năng lực cộng đồng, phấn đấu đến năm 2030, trên 70% số xã xây dựng được kế hoạch phòng chống thiên tai có sự tham gia của cộng đồng và lồng ghép kế hoạch phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội;

+ Đẩy mạnh thực hiện chương trình nâng cấp đê sông, đê biển, phòng, chống sạt lở, di dân vùng nguy cơ cao xảy ra lũ quét và trượt lở đất đá khu vực miền núi.

- Tăng cường công tác phòng, chống thiên tai ở khu đô thị lớn; Phối hợp với Thành phố Hà Nội quản lý lòng sông, bãi sông vừa đảm bảo thoát lũ vừa đảm bảo cảnh quan đô thị, phát triển hệ thống đê điều kết hợp giao thông, chỉnh trang đô thị.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong phòng, chống thiên tai, tăng cường nghiên cứu, xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển chi phí hợp lý, thân thiện môi trường. Ứng dụng công nghệ trong vận hành xả lũ theo thời gian thực, sử dụng công nghệ flycam, viễn thám.

Hội thảo khoa học với chủ đề “Thủy lợi Việt Nam trước thách thức của Biến đổi khí hậu và yêu cầu Tái cơ cấu nông nghiệp” ngày hôm nay là cơ hội để chúng ta nhìn nhận một cách đầy đủ hơn về những gì đã đạt được trong 71 năm qua, những tồn tại, nguyên nhân, chỉ ra những thách thức trong giai đoạn tới và những gì chúng ta cần làm trong thời gian tới để có thể phát triển ngành Thủy lợi, Đê điều, Phòng, chống thiên tai đúng tầm, đáp ứng mong mỏi của người dân và đặc biệt của các thế hệ cán bộ làm công tác thủy lợi, phòng, chống thiên tai về một Tổ quốc Việt Nam phồn vinh, điều hòa về nước, an toàn trước lũ, bão, thiên tai.